TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST Ngày 11 – 4 - 2025 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thanh Vy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Tấn Phát**

Ông **Nguyễn Minh Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Vương Lệ Hằng**, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Nhiên** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 469/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Thanh N**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Cao Tấn T**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: đường H, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Cao Tấn T chung sống với nhau từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông T không quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ chồng

thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Cao Tấn T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của bà Đào đối với ông T.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trông tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Cao Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, bà Phạm Thị Thanh N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh N, ông Cao Tấn T chung sống với nhau từ năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

[2.2] Bà N trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do ông T không còn quan tâm, lo lắng cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Bà N yêu cầu được ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án làm việc cũng như không tham gia phiên toà, không thể hiện ý chí muốn hàn gắn với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đào là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

[5] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh N với ông Cao Tấn T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh N được ly hôn với ông Cao Tấn T.

Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết..

Về tài sản chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0003295 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Tây Ninh;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Võ Thanh Vy